

LỊCH PHÒNG VẤN 1+4 SÁNG 9/7 MIỀN BẮC

No.	越文姓名 Tên tiếng việt	性别 Giới tính	出生日期 Năm tháng ngày sinh
1	VŨ VĂN LƯƠNG	男	2005/06/04
2	TRẦN VIỆT DŨNG	男	2006/11/28
3	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	女	2006/09/03
4	NGUYỄN BÁ TIÊN	男	2007/01/18
5	NGUYỄN BÁ TRƯỜNG	男	2007/06/03
6	TRẦN VĂN ĐẠT	男	2004/03/24
7	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	女	2007/01/12
8	NGUYỄN HUY TÀI	男	2007/08/13
9	CHU VĂN LONG	男	2005/01/21
10	NGUYỄN ĐĂNG VŨ	男	2006/04/12
11	TRỊNH KIỀU TRANG	女	2006/07/04
12	NGUYỄN VĂN QUANG	男	2005/12/18
13	NGUYỄN VĂN VINH	男	2005/12/18
14	NGUYỄN THỊ TRANG	女	2006/05/02
15	NGUYỄN HUY VŨ	男	2007/09/15
16	ĐẶNG THỊ AN THUYỀN	女	2005/12/20
17	ĐẬU THỊ PHƯỢNG	女	2005/05/06
18	ĐỖ ĐÌNH QUANG	男	2006/09/04
19	TRẦN VĂN LỰC	男	2006/06/21
20	TRƯƠNG QUÂN BẢO	男	2005/08/14
21	LÊ NGỌC MAI	女	2006/09/28
22	HOÀNG TRUNG DŨNG	男	2007/06/01
23	VƯƠNG THÀNH CÔNG	男	2007/09/03
24	ĐINH QUANG DIỆN	男	2005/10/14
25	HOÀNG PHAN ĐỨC TUẤN	男	2007/01/29
26	HOÀNG VĂN TUẤN	男	2007/05/22
27	ĐẶNG KIM CHIẾN	男	2007/10/23
28	VŨ QUỐC HUY	男	2005/09/20
29	VÀNG A THẮNG	男	2006/04/02
30	TRẦN ĐỨC HUY	男	2007/07/04
31	LÊ ĐỨC LONG	男	2006/08/04
32	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	男	2007/12/03
33	TRAN NAM HOANG	男	2004/09/29
34	GIÁP XUÂN TRƯỜNG	男	2007/01/14